TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/KDTM-ST
Ngày: 26 - 9 - 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Văn Mạnh;

Ông Nguyễn Ngọc Chinh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Sinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa*:** Ông Lại Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số: 04/2019/TLST-KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 9 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A; địa chỉ: Số HV, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến Đ – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; địa chỉ: Số X NQ, phường TT, quận H, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh G, sinh năm 1977 – Chuyên viên Phòng quản lý khách hàng doanh nghiệp Khối quản lý và Tái cấu trúc tài sản Ngân hàng Đ địa chỉ: Số X NQ, phường TT, quận H, Thành phố Hà Nội. (Theo các văn bản ủy quyền số 10998/UQ-VPB ngày 02/11/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị; giấy ủy quyền số 2160 ngày 28/02/2019 của Giám đốc Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản Đ). Ông G có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X; địa chỉ: Xóm XL, xã HX, huyện H, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Bùi Xuân K, sinh năm 1966 – Chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm giám đốc; địa chỉ: Xóm XL, xã HX, huyện H, tỉnh Nam Định. Ông K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên A do ông Lê Minh G là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 10/6/2011, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ trên cơ sở hợp nhất Ngân hàng Thương mại cổ phần PT và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam theo quyết định số 2018/QĐ-NHNN ngày 12/9/2013 của Ngân hàng Nhà nước) và Công ty TNHH Một thành viên X (viết tắt là Công ty X) do ông Bùi Xuân K làm giám đốc ký Hợp đồng tín dụng số 75/TDTT-DH/TCDK-CNND có nội dung cho vay theo hạn mức tín dụng là 16.000.000.000đ (mười sáu tỷ đồng), mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư mua lại tàu biển trọng tải 3.187 tấn HT 158B3 của Công ty TNHH ĐP, thời hạn vay tối đa 84 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời hạn ân hạn nợ gốc tối đa 06 tháng, lãi suất cho vay áp dụng từ ngày giải ngân đầu tiên đến ngày 30/6/2011 là 22%/năm (có điều chỉnh 03 tháng/01 lần do bên cho vay sẽ thông báo trước bằng văn bản). Lãi suất cơ cấu lại kỳ hạn trả nợ tối thiểu là 120% lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay). Nợ lãi được thanh toán theo tháng, nợ gốc được chia làm 12 kỳ trả nợ.

Tài sản bảo đảm là tàu X 10 hình thành từ vốn vay theo giấy chứng nhận đăng ký tàu biển Việt Nam số VN – 3290 – VT do cơ quan đăng ký tàu biển khu vực Hải Phòng cấp ngày 01/6/2011 có trọng tải 3189.7 MT được Công ty X ký Hợp đồng thế chấp số 75/HĐTC-DH/TCTD đã được công chứng ngày 10/6/2011 tại Phòng Công chứng số 01 Sở Tư pháp tỉnh Nam Định và đăng ký thế chấp tàu biển ngày 10/6/2011, đăng ký thay đổi nội dung thế chấp ngày 21/3/2014 tại cơ cơ quan đăng ký tàu biển khu vực Hải Phòng. Giá trị tài sản thế chấp tạm tính theo giá trị đầu tư của dự án là 30.372.700.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng, PVcomBank đã giải ngân vốn vay cho Công ty X số tiền 16.000.000.000 đồng vào ngày 15/6/2011. Công ty X đã thanh toán được số tiền gốc là 3.096.066.667 đồng và tiền lãi là 5.083.072.483 đồng, tổng cộng là 8.179.139.150 đồng (tám tỷ một trăm bảy mươi chín triệu một trăm ba mươi chín nghìn một trăm năm mươi đồng). Trong quá trình trả nợ Công ty X đã vi phạm thời hạn trả nợ, trả nợ không đúng lịch. PVcomBank đã đồng ý cơ cấu lại lịch trả nợ cho Công ty X ba lần vào các ngày 27/8/2012, 12/4/2013 và 25/4/2014. Đến ngày 25/11/2018 toàn bộ khoản nợ của Công ty X đã chuyển sang nợ quá hạn.

Ngày 19/01/2015, tài sản bảo đảm là tàu X 10 đã bị chìm tại vùng biển tỉnh Quảng Trị. Theo Báo cáo tai nạn hàng hải số 97 ngày 23/3/2015 của Cảng vụ

hàng hải Quảng Ngãi kết luận nguyên nhân xảy ra tai nạn do thời tiết xấu. PVcomBank đã phối hợp với Công ty X đòi thanh toán tiền bảo hiểm tàu nhưng Công ty Bảo hiểm BIDV Bắc Bộ và Công ty X không thỏa thuận được việc giải quyết tổn thất tàu X 10. Công ty X đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giải quyết sau đó lại rút đơn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Ngày 05/01/2017 Cảng vụ hàng hải Quảng Ngãi đã gửi Công văn số 06/CVHHQNg đến các cơ quan liên quan để phối hợp làm rõ một số thông tin liên quan đến tai nạn hàng hải tàu X 10; ngày 12/5/2017 Bộ Giao thông vận tải đã gửi Công văn số 5032/BGTVT-ATGT về việc giải quyết dứt điểm vụ tai nạn hàng hải tàu X 10, theo đó Bộ Giao thông vận tải có ý kiến: " (i) Việc tàu chở quá trọng tải (vượt 6% trọng tải toàn phần) không phải là nguyên nhân chính xảy ra tai nạn, (ii) Việc xảy ra tai nạn của tàu X 10 do gặp điều kiện bất lợi, (iii) Chủ tàu X 10 và các cơ quan quản lý nhà nước đã thực hiện đúng các quy định về cấp phép cho tàu rời cảng". Tuy nhiên với lỗi chở quá trọng tải quy định, Công ty Bảo hiểm BIDV Bắc Bộ không đồng ý chi trả tiền bảo hiểm cho Công ty X.

Ngày 28/12/2018, PVcomBank đã bán nợ xấu của khánh hàng Công ty X cho Công ty TNHH Một thành viên A (viết tắt là Công ty A) theo Hợp đồng mua bán nợ số 6887/2018/MBN.VAMC-PVCOMBANK và Hợp đồng ủy quyền số 6888/UQ.VAMC-PVCOMBANK ngày 28/12/2018.

Công ty A đã ủy quyền cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu:

- Buộc Công ty TNHH Một thành viên X phải trả nợ toàn bộ số tiền vay gồm gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 26/9/2019 là 26.137.832.213đ (hai mươi sáu tỷ một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm ba mươi hai nghìn hai trăm mười ba đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 75/TDTT-DH/TCDK-CNND ngày 10/6/2011.

- Buộc Công ty TNHH Một thành viên X phải trả cho Công ty A các khoản nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 27/9/2019 cho đến khi tất toán khoản vay.

- Trong trường hợp Công ty TNHH Một thành viên X không thanh toán được nợ, đề nghị cho phát mãi tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay là tàu X 10 theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 75/HĐTC-DH/TCDK-CNND để thanh toán nợ. Trường hợp số tiền thu được từ phát mại tài sản thế chấp không đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH Một thành viên X tại Công ty A thì Công ty A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản và nguồn thu hợp pháp của Công ty TNHH Một thành viên X để thanh toán hết toàn bộ nghĩa vụ tại Công ty A.

- Đối với việc tàu X 10 đã bị chìm tại vùng biển tỉnh Quảng Trị do tại nạn hàng hải ngày 19/01/2015 nên tài sản bảo đảm không còn là do lỗi của Công ty X, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn là Công ty TNHH Một thành viên X đã được triệu tập hợp lệ nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng,

không gửi văn bản ý kiến của bị đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng, cố tình trốn tránh.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 299, 323, 463 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty TNHH Một thành viên X thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 26.137.832.213đ (hai mươi sáu tỷ một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm ba mươi hai nghìn hai trăm mười ba đồng) cho Công ty TNHH Một thành viên A và phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 27/9/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ. Đối với tài sản bảo đảm là tàu X 10 không còn tồn tại, đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Bùi Xuân K theo địa chỉ đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Một thành viên X và nơi cư trú của ông Bùi Xuân K nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, không thu thập được ý kiến của bị đơn. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo pháp luật của bị đơn.

[2] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 75/TDTT-DH/TCDK-CNND ngày 10/6/2011 tính đến ngày 26/9/2019 là 26.137.832.213 đồng. Bị đơn là Công ty X mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vẫn cố tình vắng mặt, không có ý kiến gì về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên căn cứ quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

[2.1] Căn cứ và lời trình bày của đại diện nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập có căn cứ xác định: Ngày

10/6/2011, Công ty X đã ký hợp đồng tín dụng số 75/TDTT-DH/TCDK-CNND vay của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ) số tiền là 16.000.000.000đ (mười sáu tỷ đồng). Tài sản bảo đảm thực hiện hợp đồng tín dụng là tàu X 10 hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp số 75/HĐTC-DH/TCTD đã được công chứng ngày 10/6/2011 tại Phòng Công chứng số 01 Sở Tư pháp tỉnh Nam Định và đăng ký thế chấp tàu biển ngày 10/6/2011, đăng ký thay đổi nội dung thế chấp ngày 21/3/2014 tại cơ quan đăng ký tàu biển khu vực Hải Phòng. Ngân hàng đã giải ngân vốn vay cho Công ty X số tiền 16.000.000.000 đồng vào ngày 15/6/2011.

Xét hợp đồng tín dụng số 75/HĐTC-DH/TCTD ngày 10/6/2011 ký giữa Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Công ty TNHH Một thành viên X trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên. Thực hiện hợp đồng tín dụng này, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam đã giải ngân cho Công ty X số tiền 16.000.000.000 đồng. Công ty X mới chỉ thanh toán được số tiền gốc là 3.096.066.667 đồng và tiền lãi là 5.083.072.483 đồng, tổng cộng là 8.179.139.150 đồng. Công ty X không thực hiện đúng kỳ hạn trả nợ, đã được Ngân hàng cơ cấu lại lịch trả nợ ba lần vào các ngày 27/8/2012, 12/4/2013 và 25/4/2014 nhưng vẫn tiếp tục vi phạm thời hạn trả nợ. Như vậy Công ty X vi phạm nghĩa vụ trả nợ là vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên.

[2.2] Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam đã được hợp nhất với Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Tây để thành lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (viết tắt là PvcomBank) theo quyết định số 2018/QĐ-NHNN ngày 12/9/2013 của Ngân hàng Nhà nước và PvcomBank đã kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của các thành viên. Ngày 28/12/2018, PVcomBank đã bán nợ xấu của khánh hàng Công ty X cho Công ty TNHH Một thành viên A (viết tắt là Công ty A) theo Hợp đồng mua bán nợ số 6887/2018/MBN.VAMC-PVCOMBANK và Hợp đồng ủy quyền số 6888/UQ.VAMC-PVCOMBANK ngày 28/12/2018. Các hợp đồng mua bán nợ và ủy quyền trên đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật do đó Công ty TNHH Một thành viên A có quyền của chủ nợ đối với Công ty X do được chuyển giao quyền yêu cầu phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 365 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc là 12.903.933.333 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/9/2019) là 13.233.349.880 đồng là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp Công ty TNHH Một thành viên X không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ: Hội đồng xét xử nhận thấy, để đảm bảo tiền vay theo hợp đồng tín dụng Công ty X đã ký hợp đồng thế chấp số 75/HĐTC-DH/TCTD ngày 10/6/2011 đối với tài sản hình thành từ vốn vay là tàu X 10, hợp đồng thế chấp đã được công chứng và

đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Tuy nhiên tàu X 10 do Công ty X quản lý khai thác kinh doanh đã bị chìm tại vùng biển tỉnh Quảng Ngãi ngày 19/01/2015 khi đang vận chuyển hàng hóa do gặp thời tiết xấu. Mặc dù tàu X 10 đã mua bảo hiểm rủi ro tại Công ty Bảo hiểm BIDV Bắc Bộ – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển, chi nhánh Nam Định ngày 11/8/2014 nhưng đã bị Công ty Bảo hiểm BIDV Bắc Bộ từ chối thanh toán bảo hiểm tai nạn với lý do có lỗi vi phạm phạm vi hoạt động thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Do tài sản bảo đảm không còn tồn tại, các bên cũng không có thỏa thuận dùng tài sản khác thay thế nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là tàu X 10 của nguyên đơn. Nếu sau này tàu X 10 được giải quyết thanh toán bảo hiểm do tai nạn, các bên không tự thỏa thuận được mà phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH Một thành viên X phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên A không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 365, 368, 463, 466, 468 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên A đối với Công ty TNHH Một thành viên X.

2. Buộc Công ty TNHH Một thành viên X phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên A số tiền là 26.137.832.213đ (hai mươi sáu tỷ một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm ba mươi hai nghìn hai trăm mười ba đồng); trong đó gồm nợ gốc là 12.903.933.333đ (mười hai tỷ chín trăm linh ba triệu chín trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), nợ lãi trong hạn và quá hạn tạm tính đến ngày 26/9/2019 là 13.233.349.880đ (mười ba tỷ hai trăm ba mươi ba triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm tám mươi đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 75/TDTT-DH/TCDK-CNND ngày 10/6/2011.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Một thành viên A về việc cho xử lý tài sản thế chấp là tàu X 10 do tài sản thế chấp không còn tồn tại.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Công ty TNHH Một thành viên X phải nộp 134.137.000đ (một trăm ba mươi tư triệu một trăm ba mươi bảy nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 66.500.000đ (sáu mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0000446 ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- Đương sự: 02 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên